TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BIÊN HÒA** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 20-3-2020
V/v: Ly hôn, tranh chấp việc nuôi con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Huệ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Thị Kim Kiên;
2. Bà Phạm Thị Hải Anh.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nông Thị Hồng Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tham gia phiên tòa*:** Bà Trần Thị Thủy - Kiểm sát viên

Ngày 20 tháng 3 năm 2020 tại Toà án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý: 107/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2020 về việc "Ly hôn, tranh chấp việc nuôi con chung" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2020/QĐXX-ST ngày 02/3/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Tiến D**, sinh năm 1979; địa chỉ cư trú:, Khu phố 2, phường TN, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai; có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Chị **Lữ Thị Kim Ph**, sinh năm 1987; địa chỉ thường trú: Khu phố 2, phường TN, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai; địa chỉ cư trú: Ấp 1, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai; có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn Tiến D trình bày:

Anh và chị Lữ Thị Kim Ph chung sống tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường TN, thành phố Biên Hòa cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 14/4/2014. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng mấy năm gần đây thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống dẫn đến cãi vã, cuộc sống vợ chồng xung đột và không tôn trọng lẫn nhau. Nay xét thấy mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, anh không còn tình cảm với chị Ph nên yêu cầu xin ly hôn chị Ph.

Về con chung: anh D xác định có hai con chung là Nguyễn Bảo Ng, sinh ngày 26/10/2015 và Nguyễn Bảo A, sinh ngày 22/5/2017. Anh yêu cầu nuôi cháu Ng, giao cháu A cho chị Ph nuôi dưỡng; không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh D xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung.

Theo bản tự khai và tại phiên tòa, bị đơn chị Lữ Thị Kim Ph trình bày: Về thời gian chung sống và đăng ký kết hôn như anh Nguyễn Tiến D trình bày là đúng. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng những năm gần đây vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh D, nên đồng ý ly hôn anh D.

Về con chung: Chị Ph xác định có 02 con chung là Nguyễn Bảo Ng, sinh ngày 26/10/2015 và Nguyễn Bảo A, sinh ngày 22/5/2017. Chị yêu cầu nuôi hai con chung, không yêu cầu anh D cấp dưỡng.

- Về tài sản chung, nợ chung: chị Ph xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, ngoài các chứng cứ các đương sự đã cung cấp từ khi thụ lý, nguyên đơn, bị đơn không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì khác. Nguyên đơn và bị đơn thuận tình ly hôn, xác định không có tài sản chung, nợ chung và chỉ tranh chấp về người trực tiếp nuôi con chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án: đã thực hiện đúng theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai thụ lý vụ án đúng thẩm quyền; xác định quan hệ pháp luật, tư cách của đương sự và thu thập chứng cứ đúng quy định của pháp luật.

+ Về việc giải quyết vụ án: Từ các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ và lời trình bày, tranh luận của đương sự tại phiên tòa hôm nay có đủ căn cứ chấp nhận

yêu cầu ly hôn của nguyên đơn. Về con chung, đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung cho mỗi người nuôi một cháu do các bên đều đảm bảo về điều kiện kinh tế, thời gian chăm sóc con; không xem xét về tài sản chung, nợ chung do đương sự không yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Tố tụng:

- Về tư cách tố tụng và quan hệ tranh chấp:

Anh Nguyễn Tiến D khởi kiện yêu cầu ly hôn chị Lữ Thị Kim Ph. Căn cứ vào Điều 68 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xác định anh D là nguyên đơn, chị Ph là bị đơn. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, quan hệ pháp luật được xác định là "Ly hôn, tranh chấp việc nuôi con chung".

- Về thẩm quyền giải quyết: Chị Lữ Thị Kim Ph có địa chỉ thường trú tại phường TN, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai; có địa chỉ lưu trú tại huyện V, tỉnh Đồng Nai (sau khi Tòa án thụ lý vụ án) và chị Ph làm việc tại thành phố Biên Hòa. Căn cứ vào khoản 01 Điều 28, Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xác định yêu cầu khởi kiện của anh D thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai nên được xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Anh Nguyễn Tiến D và chị Lữ Thị Kim Ph chung sống tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường TN, thành phố Biên Hòa cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 14/4/2014. Đối chiếu quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 xác định hôn nhân của anh D và chị Ph là hợp pháp.

Anh D và chị Ph đều thừa nhận sau quá trình chung sống ban đầu thì hai bên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau. Từ hơn một năm đến nay vợ chồng thường xuyên cãi vã, sống ly thân.

Xét thấy: Tại biên bản xác minh ngày 19 tháng 02 năm 2020 (*bút lục 52*), Ủy ban nhân dân phường TN xác định không biết mâu thuẫn của anh D và chị Ph vì các đương sự không trình báo. Tuy nhiên, mâu thuẫn giữa anh D và chị Ph là có thật, trầm trọng, cuộc sống không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt

được. Anh D và chị Ph không muốn hòa giải đoàn tụ mà đồng ý ly hôn nên ghi nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn của các bên.

- Về con chung: anh D và chị Ph xác định có hai con chung là Nguyễn Bảo Ng, sinh ngày 26/10/2015 và Nguyễn Bảo A, sinh ngày 22/5/2017. Anh D yêu cầu nhận nuôi cháu Ngọc, giao cháu An cho chị Ph nuôi dưỡng, không ai cấp dưỡng nuôi con. Phía chị Ph yêu cầu nuôi hai con chung, không yêu cầu anh D cấp dưỡng.

Xét về điều kiện nuôi con: Theo chị Ph khai, hiện nay hai con chị đang sinh sống và học mầm non tại xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai; tuy nhiên căn cứ vào xác nhận của Công an xã T ngày 15/02/2020 (*bút lục 24*) thì chị Ph và hai con mới đăng ký lưu trú tại gia đình cha của chị Ph vào ngày 15/02/2020; Căn cứ vào Hợp đồng lao động (*bút lục 21,22*) và Giấy xác nhận lương (*bút lục 25*) thì thể hiện chị Ph làm việc hai nơi đều thuộc thành phố Biên Hòa (Trường Đại học ĐN thuộc phường T và Công ty TNHH MTV M thuộc phường TB). Anh D hiện có đăng ký kinh doanh, thu nhập và nơi ở ổn định tại phường TN, thành phố Biên Hòa (*bút lục 32,33,38*).

Như vậy, về điều kiện kinh tế, nơi ở thì anh D và chị Ph tương đồng nhau. Về thời gian chăm sóc con thì thời gian của anh D chủ động hơn, chị Ph làm ở Biên Hòa nhưng gửi hai con về huyện V sinh sống sẽ đi lại vất vả và không đảm bảo có thời gian trực tiếp chăm sóc cho hai cháu. Đối với cháu A chưa đủ 36 tháng tuổi, về nguyên tắc nên giao cho mẹ chăm sóc, đối với cháu Ng đã gần đến tuổi đi học tiểu học, cần giao cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng để có điều kiện phát triển cả về trí tuệ, sức khỏe và tinh thần.

- Về tài sản chung, nợ chung: anh D và chị Ph khai không có nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

3. Về ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát và đương sự:

- Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về hướng giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

- Xét yêu cầu của anh D phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận; ý kiến của chị Ph về việc nuôi con phù hợp một phần nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận phần phù hợp.

4. Về án phí: Nguyên đơn anh Nguyễn Tiến D phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, 35, 39, Khoản 4 Điều 147, 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 và Điều 110 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Ghi nhận sự thuận tình ly hôn của nguyên đơn anh Nguyễn Tiến D và bị đơn chị Lữ Thị Kim Ph.

2. Về con chung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Tiến D đối với chị Lữ Thị Kim Ph.

Giao con chung của anh D và chị Ph là cháu Nguyễn Bảo Ng, sinh ngày 26/10/2015 cho anh D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao cháu Nguyễn Bảo A, sinh ngày 22/5/2017 cho chị Ph trực tiếp nuôi dưỡng; không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh D và chị Ph có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp cần thiết, một trong các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung, nợ chung: anh Nguyễn Tiến D và chị Lữ Thị Kim Ph khai không có nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Tiến D phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Khấu trừ số tiền tạm ứng án phí anh D đã nộp 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0007572 ngày 18/12/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai; anh D đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án

theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Ủy ban nhân dân phường TNh, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đỗ Thị Huệ

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Ủy ban nhân dân phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đỗ Thị Huệ